

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 9 - 2019

V/v: “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - NGHỆ AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Nhung.

Các hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Dũng - bà Nguyễn Lệ Lan.

Thư ký phiên tòa: ông Đào Quang Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ an.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa: ông Hồ Văn Nam - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 125 /2019/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp hôn nhân & Gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị M - sinh năm 1991

Địa chỉ: xóm 8 - xã B - huyện Y - Nghệ An

Nghề nghiệp: Tự do.

- ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Trọng Th - sinh năm 1986

Địa chỉ: xóm 8 - xã B - huyện Y - Nghệ An

Nghề nghiệp: Thợ cơ khí.

(Các bên đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2019 tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Trọng Th kết hôn vào ngày 17/7/2009, có đăng ký tại UBND xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc lừa dối. Sau khi kết hôn hai bên chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình hai bên không phù hợp, bất đồng quan điểm, hai bên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, không khí gia đình nặng nề. Do mâu thuẫn giữa hai bên ngày càng căng thẳng, chị M đã

rời khỏi nhà sống ly thân với anh Th gần một năm nay. Chị M xác định không còn tình cảm với anh Th nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th.

+/Về con chung: Vợ chồng có với nhau ba con chung là: Nguyễn Thị Kim O - sinh ngày 16-03-2011; Nguyễn Trọng Tuấn S - sinh ngày 08-02-2013; Nguyễn Trọng Tuấn T - sinh ngày 18-10-2015. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả ba con chung và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị không được nuôi cả ba con thì chị có nguyện vọng được nuôi cháu O và cháu S nếu không được chị đề nghị Tòa xem xét theo quy định.

+/Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Trọng Th trình bày:

Anh Th thừa nhận lời trình bày của chị M về thời gian và điều kiện kết hôn. Hai vợ chồng sống hạnh phúc với nhau đến tháng 10 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, theo anh nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không thông cảm cho nhau, bất đồng với nhau về quan điểm sống, trong cuộc sống vợ chồng thỉnh thoảng xích mích với nhau. Chị M bỏ nhà đi từ ngày 05 tháng 10 năm 2018 cho đến nay, kể từ đó hai bên đã sống ly thân và không còn liên lạc tình cảm với nhau. Tuy vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh xác định vẫn còn tình cảm với chị M, mong muốn hai bên được đoàn tụ để nuôi con và xây dựng lại hạnh phúc gia đình. Chị M yêu cầu được ly hôn anh không nhất trí.

+/ Về con chung:

Anh Th thống nhất như lời trình bày của chị M vợ chồng có ba con chung, hiện nay các con chung đang ở cùng với anh từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và ly thân. Nếu giải quyết cho ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cả ba con vì chị M đã đi gần một năm, không quan tâm đến con, chủ yếu là do anh chăm sóc. Nếu được nuôi cả ba con anh không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng tiền nuôi con;

+/ Về tài sản chung: Anh Th không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

+/ Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

+/Về quan hệ hôn nhân:

Xét hôn nhân giữa chị M và anh Th là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ theo quy định của pháp luật. Song qua xem xét thực tế thì thấy rằng cuộc sống chung của vợ

chồng thời gian gần đây không được hạnh phúc, mâu thuẫn liên tục xảy ra và thực sự căng thẳng. Quá trình giải quyết vụ án Tào án đã kiên trì hòa giải và tại phiên tòa hôm nay chị M vẫn giữ nguyên nguyện vọng yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với anh Th, anh Th cho rằng mâu thuẫn không đáng kể chỉ là mâu thuẫn nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn.

Căn cứ vào lời trình bày của các bên trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa: Chị M khẳng định vợ chồng đã mâu thuẫn từ lâu, tình cảm đã thực sự rạn nứt không thể hàn gắn được, anh Th cũng thừa nhận là vợ chồng do bất đồng quan điểm không thông cảm cho nhau và cả hai bên thừa nhận đã sống ly thân hơn một năm nay. Tòa xét thấy cần tọa điều kiện về mặt thời gian để hai bên bình tâm thông cảm và chia sẻ với nhau tìm được tiếng nói chung trở về đoàn tụ xây dựng gia đình nuôi dạy con cái nhưng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến nay Tòa đưa ra xét xử thời gian cũng đã dài hai bên không có sự liên lạc, gắn kết lại với nhau ngược lại hai bên ngày càng xa cách không có kết quả gì. Từ đó cho thấy thực trạng hôn nhân của chị M và anh Th đã hết sức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu của chị M cho chị được ly hôn với anh Th là hoàn toàn có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

+/Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của chị M, anh Th và biên bản xác minh con chung chưa thành niên tại UBND xã B thì hiện nay ba con chung đang ở với anh Th.

Tại phiên tòa chị M cho rằng vì chị bị bố chồng và chồng chửi bới đũa đánh và dọa giết chị nên chị không thể về mang con theo; theo trình bày của anh Th thì anh khẳng định lời trình bày của chị M là không có cơ sở anh và gia đình không chửi bới đập đánh chị M, chị M tự ý bỏ nhà đi, thậm chí khi vợ chồng mâu thuẫn anh biết chị M về quê anh gặp anh còn nói về thăm con nhưng chị M không về dù là gửi cho con đồng quà tấm bánh, anh khẳng định chị M không đủ tư cách để nuôi con.

Về vấn đề này Hội đồng xét xử thấy việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung trước hết đó là quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, hai bên đều có nguyện vọng được nuôi con đó là nguyện vọng hoàn toàn chính đáng.

Xét về nguyện vọng nuôi con của chị M HĐXX thấy lẽ ra cần giao cháu Nguyễn Trọng Tuấn T hiện nay đang con nhỏ cho chị M nuôi nhưng bên cạnh chị còn có người thân để hỗ trợ chị trong việc nuôi con vì vậy cần chấp nhận nguyện vọng của chị H, tiếp tục giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành và yêu cầu anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị H mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng là hoàn toàn phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét nguyện vọng nuôi con của anh K: HĐXX thấy hiện con chung của anh K, chị H đang còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, tuy điều kiện hoàn cảnh kinh tế của anh K và gia đình anh theo chị H trình bày là ổn định nhưng cháu Quỳnh Tr còn nhỏ rất cần sự khéo léo của người mẹ, chị H cũng có thu nhập và có người thân hỗ trợ vì vậy nguyện vọng nuôi con của anh K là không phù hợp không có căn cứ để chấp nhận.

+/Về tài sản chung: Chị H và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

+/Về án phí: Chị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điều 227 BLTTDS; Điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân & gia đình;

Xử: Cho chị Thái Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

- **Về con chung:** Buộc anh Nguyễn Văn K phải giao cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh Tr - sinh ngày 07/02/2017 cho chị Thái Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành. Anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cùng với chị H 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng kể từ tháng 02/2019.

Anh Nguyễn Văn K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại chăm sóc, thăm nom con chung không ai được cản trở.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng tiền nuôi con nêu trên, nếu người phải thi hành án không thi hành, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về án phí:** Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc chị Thái Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, án phí của chị H được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng Chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003254, ngày 26/12/2018. Chị H đã nộp đủ án phí. Buộc anh Nguyễn Văn K phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

con.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án lên Toà án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS ND huyện Yên Thành,
- Chi cục THA DS huyện Yên Thành
- Phòng giám đốc TAND tỉnh Nghệ An,
- UBND xã Đ
- Dương sự,
- Lưu kết quả

(Đã ký)

Lê Thị Nhung